

VỀ TÌNH HÌNH SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT Ở BẾN TRE (1954-1975)

VÕ THỊ THU AN*

1. Sở hữu ruộng đất ở nông thôn Bến Tre trước năm 1954

Những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Bến Tre xuất hiện ngày càng nhiều các đại địa chủ như Nguyễn Tấn Quới, Huỳnh Ngọc Khiêm, Nguyễn Duy Hình. Những đại địa chủ này làm giàu chủ yếu dựa vào các thế lực của thực dân đồng thời kết hợp bóc lột phong kiến bằng hình thức địa tô và cho vay nặng lãi. Thông qua buôn bán và cho vay cùng sự khôn khéo và những thủ đoạn riêng, chỉ trong một thời gian ngắn các địa chủ này đã nắm giữ trên 2.000ha ruộng đất.

Nhờ cho vay nặng lãi và cướp đoạt ruộng đất của dân nghèo mà tầng lớp điền chủ nhanh chóng sở hữu nhiều ruộng đất. Ở hai huyện Bảo An và Tân Minh (thuộc cù lao Bảo và cù lao Minh) vào những thập kỷ đầu thế kỷ XIX đã có 21 điền chủ có số ruộng đất trên 100 mẫu, trong khi đó số điền chủ có từ 30 mẫu trở lên là 705 người chiếm 0,1% dân số cả tỉnh lúc bấy giờ. Có những địa chủ lớn như Nguyễn Văn Lên (làng An Bình Đông - huyện Bảo An) chiếm 548 mẫu, Phan Văn Dũng (làng Vĩnh Đức Trung - huyện Bảo An) chiếm 412 mẫu. Chỉ tính riêng số điền chủ có từ 30 mẫu trở lên ở 2 cù lao Bảo và cù lao Minh đã chiếm 11.597 mẫu trong tổng số 38.334 mẫu đã do

đạc, bằng 30,2% diện tích đất canh tác lúc bấy giờ (1). Phía nông dân nghèo bị bọn điền chủ cướp đoạt ruộng đất, với thân phận tá điền, họ cày thuê cuốc mướn để kiếm sống lại bị nhà nước phong kiến bóc lột rút bởi nhiều thứ thuế: đinh, điền, tàu thuyền, sản vật...

Đầu thế kỷ XX, địa chủ người Việt đã chiếm 136.400 mẫu và số ruộng đất bị người Âu chiếm lập đồn điền là 500 mẫu, số nông dân bị tước đoạt ruộng đất ngày càng nhiều, mảnh ruộng cuối cùng của họ cũng đã bị chiếm đoạt để lập nên những đồn điền chuyên canh, họ trở thành những công nhân làm thuê trong những đồn điền đó. Năm 1918, toàn tỉnh có 301 đồn điền với tổng diện tích là 5.000 mẫu, chủ yếu trồng lúa, dứa, cau và thử nghiệm cà phê, hồ tiêu. Sức lao động được sử dụng ở đây phần lớn là người Việt (655 người/301 đồn điền), lương công nhật bình quân là 0,45 đồng/người/ngày (2).

Sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, đi đôi với sự tăng cường đầu tư của tư bản Pháp vào nông nghiệp, thực dân Pháp còn ban hành chính sách mới tạo điều kiện cho điền chủ Pháp chiếm đoạt ruộng đất của nông dân nhiều hơn nữa. Ở Bến Tre, những năm 1930-1940, đã có các điền chủ người Pháp, Ấn và người Việt quốc tịch Pháp,

* Trường Cao đẳng Sư phạm Bến Tre.

chiếm những diện tích đất đai rộng lớn như: Bút-xông (Boudson) chiếm 825ha vùng rừng đinh Đầu Trâu, Lơ-roa (Leroy) chiếm 425ha ở khu vực Đê Đông (huyện Bình Đại), Thérèse Phạm Túy Anh, Phạm Văn Chánh chiếm 176ha vùng Hưng Nhượng - Sơn Đốc (huyện Giồng Trôm), Elisabeth Nguyễn Thị Quang chiếm 176ha ở Quới Điền (huyện Thạnh Phú), Roger Nguyễn Võ Hiến chiếm 89ha ở An Hiệp (huyện Châu Thành)... (3).

Mặc dù chế độ đại sở hữu đã xuất hiện nhưng nó chưa thể dẫn tới nền đại sản xuất được. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là chính quyền thuộc địa chưa chú trọng đầu tư vào việc cải tạo chất đất (chua, mặn, cằn cỗi), cải tạo thiên nhiên để tạo nên những thửa ruộng liền khoảnh bát ngát, có độ bằng phẳng thích hợp với việc canh tác bằng cơ giới. Chính việc chưa làm được những vấn đề trên đã khiến cho "đại sở hữu" nhiều khi chỉ là những "sở hữu nhỏ" manh mún trên những địa hình phức tạp. Nói chung trong thời kỳ khai thác lần thứ nhất, những đồn điền của Pháp chủ yếu chỉ canh tác lúa. Với chính sách thiết lập "sở hữu nhỏ", với thủ đoạn chiếm đoạt ruộng đất của cả địa chủ kỳ hào bản địa lẫn chủ đồn điền ngoại bang, tuyệt đại bộ phận nông dân chỉ còn có cách đi cấy thuê, cấy mướn cho điền chủ để kiếm sống mà thôi. Việc tập trung ruộng đất đến cao độ vào tay địa chủ và thực dân Pháp đã làm cho nông dân bị bán cùng phá sản. Năm 1867, toàn tỉnh có không đầy 20 đại điền chủ có từ 100ha trở lên nhưng đến năm 1929 đã có 44 đại điền chủ sở hữu từ 100 - 500ha và 168 điền chủ có từ 50 - 100ha. Toàn bộ số điền chủ này chỉ chiếm 0,7% dân số mà đã chiếm gần 27.000ha (17% diện tích) trong tổng số 158.000ha ruộng đất toàn tỉnh. Trong khi đó, trong tổng số 315.000 dân, ngoài 212 đại và trung điền

chủ còn có 38.009 người có ruộng đất (34.243 người có từ 1 - 10ha, 3.766 người có từ 11 - 50ha) còn lại là 276.815 người không có ruộng đất (chiếm 80% dân số toàn tỉnh) (4). Bên cạnh đó, sự xâm nhập ngày càng tăng của quan hệ hàng hóa - tiền tệ vào nông thôn khiến cho quần chúng lao động, nhất là nông dân, ngày càng phá sản, bán cùng hóa và do đó ruộng đất ngày càng tập trung vào tay giai cấp địa chủ. Ruộng đất tập trung trong tay địa chủ khiến cho chế độ bóc lột tô tức hết sức nặng nề. Điền chủ và chính quyền thực dân thu địa tô từ 30 - 70% hoa lợi của nông dân, ngay cả những năm mất mùa, người nông dân khổ phải đi vay nợ. Hình thức vay nợ lãi khá phổ biến và rất nặng nề. Nếu vay lúa thì lãi suất 80 - 100% (có khi gần 200%), còn vay tiền thì tùy theo tính chất vay nợ, lên xuống từ 50 - 300%. Bên cạnh địa chủ thì phú nông cũng cho vay bằng cách vay gộp lúa, cho nông dân mượn trâu bò trung bình hàng năm từ 60 - 70 giạ lúa/1 cặp trâu (5). Không có một tá điền nào có thể tiếp tục làm ruộng được mà không phải đi vay nợ. Vì lãi suất cao cho nên nhiều khi nông dân đã trả cho chủ một số tiền, số thóc hoặc số công gấp mấy lần số nợ gốc mà nợ gốc vẫn còn nguyên. Có khi cả đời họ trả không xong phải để lại cho con cháu tiếp tục "kéo cày trả nợ".

Sau Cách mạng Tháng Tám, chấp hành sắc lệnh của Chính phủ lâm thời, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, chính quyền nhân dân các cấp đã tiến hành xóa bỏ các thứ thuế vô lý, giảm thuế điền thổ xuống còn 20%, chia lại ruộng đất công bằng hơn cho những người không có ruộng hoặc thiếu ruộng. Đồng thời Tỉnh ủy công bố mức tô chính, ra lệnh giảm tô từ 5 - 7 giạ/công xuống còn 1,5 giạ/công, xóa bỏ các nợ nần cũ và các hình thức tô phụ khác như lễ vật trong các ngày giỗ, tết, kể cả những món nợ

truyền từ đời cha đến đời con. Tháng 3 năm 1948, Tỉnh ủy phát động phong trào thi đua yêu nước rộng rãi trong tỉnh với khẩu hiệu "thi đua là yêu nước, yêu nước phải thi đua". Nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của cuộc kháng chiến, động viên bồi dưỡng sức dân, từng bước cải thiện đời sống cho nhân dân, cuối năm 1948, chính quyền cách mạng đã tiến hành tịch thu đất đai của Việt gian và quản lý đất đai của địa chủ vắng mặt, cấp 5.000ha ruộng đất cho 2.000 hộ nông dân không đất hoặc thiếu đất sản xuất (6), nhân dân tin tưởng, phấn khởi hăng hái đẩy mạnh sản xuất và đóng góp cho kháng chiến. Sau Cách mạng Tháng Tám, chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ phong kiến bị thu hẹp dần. Thế lực kinh tế và uy thế chính trị của giai cấp địa chủ đã bắt đầu suy yếu, số địa chủ lớn hầu hết đã bỏ chạy vào vùng địch, một số làm tay sai cho thực dân Pháp, tình hình ruộng đất và kết cấu giai cấp ở nông thôn Bến Tre đã có ít nhiều biến đổi. Sau 9 năm kháng chiến chống sự tái chiếm của Pháp, thực hiện chủ trương của Đảng, Tỉnh ủy Bến Tre sau khi đã kết thúc 2 đợt tấn công, giải phóng đất đai trong tỉnh, giải phóng đến đâu chính quyền các cấp tiến hành tịch thu ruộng đất của địa chủ cấp cho nông dân đến đó. Tranh thủ lúc địch chưa kịp lập lại chính quyền cơ sở, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các nơi phải tiến hành nhanh gọn việc tịch thu ruộng đất của Việt gian và địa chủ phản động chia cho nông dân. Chỉ trong vài tháng cuối năm 1954, hơn 100.000ha ruộng đất đã về tay nông dân với đầy đủ chứng từ của cách mạng. Nhiều nơi trong tỉnh nông dân tá điền đã buộc chủ điền hạ địa tô không những 25% mà cả đến 50 - 60%, chính quyền cách mạng cũng tuyên bố xóa những món nợ cũ do nông dân vay trước Cách mạng Tháng Tám. Qua chính sách giảm tô và chính sách ruộng đất của chính

quyền cách mạng, giai cấp địa chủ và chế độ tá canh đã bị giáng một đòn nặng nề, bắt đầu quá trình tan rã và suy sụp, quá trình trung nông hóa đã đạt được một bước quan trọng. Quan hệ sản xuất phong kiến tan rã, tình trạng tập trung ruộng đất vào tay giai cấp địa chủ đã bị xóa bỏ, những người không có ruộng đất trở thành người có ruộng đất, số lượng bán cố nông trở thành trung nông ngày càng nhiều, bộ mặt nông thôn do cách mạng làm chủ bước đầu có những thay đổi đáng kể.

2. Sở hữu ruộng đất ở nông thôn Bến Tre từ 1954 đến 1969

Ngay từ những ngày đầu đưa Ngô Đình Diệm về miền Nam chấp chính, đế quốc Mỹ rất quan tâm đến vấn đề ruộng đất và Chính quyền Ngô Đình Diệm cũng đã thấy tầm quan trọng của vấn đề nông dân và ruộng đất ở miền Nam. Ngô Đình Diệm đặt vấn đề cải cách điền địa lên hàng "quốc sách" và xem đó là "then chốt của cách mạng kinh tế ở miền Nam". Tuy nhiên mục đích của Diệm không nhằm tạo lập chủ nghĩa tư bản ở nông thôn mà duy trì và phục hồi quan hệ sản xuất phong kiến ở nông thôn, khôi phục giai cấp địa chủ - một giai cấp thuộc thành phần xuất thân và chỗ dựa về mặt xã hội của Chính quyền Ngô Đình Diệm, dựng lại chế độ phong kiến theo mẫu thời Pháp thống trị, nghĩa là Diệm muốn dựa vào giai cấp địa chủ để bắt nông dân trở thành tá điền. Công cuộc cải cách điền địa được đánh dấu bằng 3 đạo dụ số 2, 7, 57 và chia làm 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 từ năm 1955 đến cuối năm 1956 là giai đoạn thi hành quy chế tá điền; Giai đoạn 2 bắt đầu từ cuối năm 1956 là giai đoạn "tư hữu hóa nông dân", "tiểu điền chủ hóa tá điền". Theo Đạo dụ 57, những địa chủ có trên 100ha thì được giữ lại 100ha,

số ruộng ngoài 100ha thì bị truất hữu. "Truất hữu" nghĩa là Chính quyền Diệm mua lại bằng cách trả lãi cho chủ ruộng 10% tiền mặt, còn 90% trả bằng trái phiếu trong 12 năm với lãi suất 3%/năm. Ngoài ra, đại địa chủ còn có quyền giữ thêm một số ruộng là 15ha làm ruộng hương hỏa và những địa chủ nào có vài chục đồn điền trồng cây công nghiệp hoặc cây ăn quả thì số đất này không tính vào 100ha nói trên. Trong số 115ha địa chủ được giữ lại thì địa chủ có quyền lựa chọn bất cứ thửa ruộng nào tùy ý. Ruộng truất hữu sẽ đem bán cho những người thiếu ruộng, mỗi hộ không quá 3ha, số ruộng truất hữu được Chính quyền Diệm bồi thường 4.000 đồng/ha, người mua đất phải trả tiền trong 6 năm, trong thời hạn ấy ruộng đất vẫn thuộc quyền sở hữu của chính phủ (Ngô Đình Diệm). Ở Bến Tre, số địa chủ người Việt bị đặt vào diện truất hữu theo Đạo dụ 57 chỉ có 74 người với tổng diện tích là 13.836ha (7).

Vừa duy trì giai cấp địa chủ và chế độ bóc lột phong kiến vừa mị dân, tách nông dân ra khỏi lực lượng cách mạng, đó là điều mà Diệm muốn đạt được qua Đạo dụ 57. Bằng cải cách điền địa, Chính quyền Diệm không ngớt tuyên truyền lừa gạt nông dân về "bảo vệ quyền lợi tá điền", "hữu sản hóa nông dân" "đem lại cho đồng quê một đời sống mới". Thực tế lúc này nông dân lại bị tước mất ruộng đất canh tác mà cách mạng đã cấp cho họ, bị trói buộc số phận vào ruộng đất của địa chủ trên cơ sở của chế độ chiếm hữu ruộng đất và lối bóc lột phong kiến đã được Diệm phục hồi. Quy chế cải cách điền địa của Diệm vẫn cho phép địa chủ được sở hữu tới 100ha, do đó cải cách điền địa của Diệm đã khôi phục lại quan hệ sản xuất phong kiến ở nông thôn, cướp đoạt ruộng đất của nông dân, xóa bỏ

thành quả ruộng đất mà cách mạng đã mang lại cho nông dân. Trên danh nghĩa, đến cuối năm 1959, tại Bến Tre, Chính quyền Diệm đã cấp 18.983 khế ước loại A, 2.096 khế ước loại B, 263 khế ước loại C và đã truất hữu 8.029ha ruộng đất chia cho 4.436 tá canh (8). Trên thực tế, qua việc cải cách điền địa Chính quyền Diệm đã cướp đoạt từ 80 - 90% số ruộng đất mà cách mạng đã chia cho nông dân. Người được cấp đất, nếu muốn tiếp tục hưởng phải trả tiền chuộc đất cho địa chủ.

Từ cuối năm 1956, Mỹ Diệm đã tung quân đội về các làng xã ở Bến Tre, mở chiến dịch cướp ruộng quy mô. Trong chiến dịch này, chúng trắng trợn cưỡng bức nông dân phải trả lại những khoảnh ruộng đã được cách mạng chia trong kháng chiến. Được quân nguy hỗ trợ, bọn địa chủ ở các làng xã một mặt đòi nông dân trả ruộng, mặt khác đòi truy tồ, tăng tồ vô tội vạ. Trong vòng không đầy 3 năm, Chính quyền Diệm đã cướp 76.836ha ruộng đất của nông dân để cấp cho địa chủ, đồng thời tăng tồ từ 1 gia lên 1,5 gia/công rồi đến 3 gia/công, có nơi lên đến 8 gia/công. Cho đến trước Đồng Khởi, tính chung trong tỉnh nông dân bị cướp trên 200 triệu đồng tiền tăng tồ quy theo thời giá lúc đó (9). Đời sống nhân dân bị sa sút nghiêm trọng, có người bị tước hết ruộng đất, không còn phương tiện sinh sống phải bỏ quê đi nơi khác, đa số nông dân bị thiếu ăn từ 2 - 3 tháng/năm. Các xã An Hòa Tây (huyện Ba Tri), Thanh Phong, Giao Thạnh (huyện Thạnh Phú) nhiều tháng phải ăn cháo, bấp thay cơm. Chính quyền Diệm còn thực hiện chính sách thuế nặng nề ở Bến Tre: thuế điền tăng 50 - 90 đồng/ha, trâu bò tăng 20 - 30 đồng/con, bán 1 bao gạo ra khỏi làng nộp 1,2 đồng/thuế, ra khỏi quận thì số thuế tăng lên gấp 5 lần.

Với chương trình cải cách điền địa của Ngô Đình Diệm, giai cấp địa chủ và chế độ tá canh không những không bị xóa bỏ mà còn được phục hồi dù mức độ, tính chất không còn như thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám. Tầng lớp trung nông bị dả kích nặng nề và giảm sút nghiêm trọng, bị thu hẹp lại gần như thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám, đại bộ phận trung nông mới hình thành từ hồi kháng chiến chống Pháp đã trở lại địa vị tá điền. Áp dụng Đạo dụ 57 và Nghị định số 020 từ 1957 đến 1959, số ruộng đất bị truất hữu là 11.700ha, số địa chủ bị ảnh hưởng trong chính sách này là 83 người và số nông dân được phân phối ruộng là 8.560 hộ, chiếm 10,7% số hộ ở nông thôn. Sau cải cách điền địa, số hộ trở thành trung nông là 17.520 hộ (sở hữu từ 1 - 5ha) nhưng trên thực tế thì đến tháng 4-1960, khi Ngô Đình Diệm tuyên bố cải cách điền địa kết thúc thì tại Bến Tre có khoảng 40% diện tích ruộng đất vẫn còn trong tay địa chủ (sở hữu từ 50ha trở lên) chưa kể 3.654ha đất rừng ở 3 huyện ven biển (10). Sau Hiệp định Genève, Mỹ đã thay thế Pháp ở miền Nam, trong khi số địa chủ có quốc tịch Pháp vẫn còn là một thế lực đáng kể ở Bến Tre: sau năm 1954 còn 25 địa chủ ngoại kiều chiếm hữu hàng chục ngàn ha ruộng lúa, riêng Leon Leroy chiếm 425ha (11).

Mặt khác, cuộc phản công về ruộng đất và sau đó là cuộc tấn công của Mỹ - Diệm thực hiện các quốc sách khu dinh điền, khu trừ mật, ấp chiến lược của Mỹ - Diệm đã càng làm cho vấn đề ruộng đất trở nên gay gắt hơn bao giờ hết. Không giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân thì không lối kéo được nông dân đi với cách mạng. Vì vậy, ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã không ngừng chăm lo giải

quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân. Hội nghị lần thứ 15 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa 2 (tháng 1-1959) do Hồ Chủ tịch chủ trì đã vạch rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là "Giải phóng miền Nam thoát khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh". Nhận thức được tính cấp bách và trị trí quan trọng của vấn đề ruộng đất và nông dân trong cách mạng miền Nam, Đảng ta đã có những chủ trương, chính sách sát hợp nhằm giải quyết tốt hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ trong điều kiện chống chủ nghĩa thực dân mới.

Vận dụng sáng tạo Nghị quyết 15 của Trung ương vào điều kiện cụ thể ở Bến Tre, tháng 12-1959, Tỉnh ủy chủ trương phát động quần chúng nổi dậy phá thế kìm kẹp của địch giành quyền làm chủ ở nông thôn. Tháng 1-1960, Tỉnh ủy họp đánh giá tình hình địch, ta; quyết định phát động 1 tuần lễ nổi dậy đồng loạt trong tỉnh bắt đầu từ ngày 17-1-1960. Trong quá trình Đồng Khởi, Đảng bộ Bến Tre biết dựa hẳn vào nông dân, lấy quyền lợi ruộng đất để giác ngộ họ, làm cho nông dân thấy rõ: chỉ có nổi dậy lật đổ ách thống trị của địch ở thôn xã mới giành lại được ruộng đất, làm chủ được quê hương, thủ tiêu được sự áp bức bóc lột của giai cấp địa chủ phản động. Vì thế mà ở các huyện xã đồng khởi thắng lợi, việc tịch thu ruộng đất của bọn Việt gian tạm cấp cho nông dân trong các xã giải phóng đã được tiến hành ngay. Ở đâu diệt được bót, phá được thế kìm kẹp của địch thì lập tức ở đó tổ chức đại hội nông dân chia ruộng đất. Từ sau Đồng Khởi, 2/3 dân số trong tỉnh đã thoát khỏi ách kìm kẹp của Mỹ -

ngụy và cơ bản đã giành lại quyền làm chủ ruộng đất. Ở Mỏ Cày, trong tuần lễ "khởi nghĩa", 600 công ruộng đã được đem chia cho nông dân, 750 gia lúa tô của địa chủ buộc phải trả lại cho đồng bào (12). Thắng lợi mà nhân dân đã giành được về ruộng đất từ sau phong trào Đồng Khởi đã làm phá sản chính sách ruộng đất của Mỹ - Diệm. Cũng từ năm 1960, tình hình ruộng đất và kết cấu giai cấp ở nông thôn có nhiều biến đổi: phần lớn ruộng đất đã về tay nông dân, giai cấp địa chủ đã suy yếu nhiều, tại các xã vùng giải phóng số địa chủ còn lại rất ít, phần lớn là tiểu địa chủ và hầu như không còn địa chủ lớn. Kết quả điều tra ở vùng giải phóng năm 1965 cho thấy diễn biến của giai cấp địa chủ như sau:

- Nếu trước Cách mạng Tháng Tám ở ấp Phú Lộc Hạ (xã An Định - huyện Mỏ Cày), địa chủ có 22 nhân khẩu chiếm 269ha ruộng đất thì đến năm 1960 còn 9 nhân khẩu và chiếm 3ha ruộng đất.

- Địa chủ Nguyễn Thế Mỹ trước Cách mạng Tháng Tám có 50ha, hàng năm thu 2.000 gia lúa tô, năm 1963 chỉ còn thu 125 gia và năm 1964 thu 87 gia (tức 5% so với số thu trước Cách mạng Tháng Tám).

- Địa chủ Nguyễn Văn Khải trước Cách mạng Tháng Tám chiếm 170ha, mỗi năm thu 10.000 gia lúa tô, đến năm 1963 còn thu 450 gia, năm 1964 chỉ còn thu 227 gia (tức 2% so với số thu trước Cách mạng Tháng Tám (13).

Tại một số xã, nông dân đã làm chủ từ 95 - 100% ruộng đất ở địa phương. Những vùng địch còn tạm chiếm như Chợ Lách, Ba Tri, địa chủ còn thu tô nhưng mức tô đã giảm xuống còn 3% - 20% sản lượng, trung bình là 10%, có nơi nông dân không còn phải đóng tô cho địa chủ. Căn cứ cách

mạng được củng cố và mở rộng, quyền làm chủ nông thôn về tay nhân dân lao động. Trong nửa đầu những năm 60, Mặt trận giải phóng Tỉnh đã cấp 49.347ha ruộng đất cho nông dân, giữ nguyên canh 210.338ha ruộng vườn, giảm tô 110.839 tạ lúa, thu lợi cho nông dân 8 triệu đồng. Từ những người không ruộng, nông dân Bến Tre đã trở thành những người làm chủ ruộng đất. Hàng vạn nông hộ nhờ đó mà thoát khỏi địa vị tá điền, dần dần trở thành trung nông, đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp nông thôn. Tầng lớp bản nông tá điền vẫn còn tồn tại nhưng đã bị thu hẹp nhiều so với thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám.

3. Sở hữu ruộng đất ở nông thôn Bến Tre từ 1969 đến 1975

Sau phong trào Đồng Khởi, Mỹ vẫn chưa từ bỏ âm mưu dùng cải cách điền địa để đánh phá phong trào cách mạng miền Nam và hỗ trợ cho chương trình bình định nông thôn. Mỹ - ngụy xem chương trình bình định nông thôn "là xương sống, là biện pháp chiến lược hàng đầu" của chính sách thực dân mới. Trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ", Mỹ - ngụy đã đề ra chương trình cải cách điền địa, cướp lại 80% số ruộng mà cách mạng đã cấp cho nông dân và duy trì chế độ tá điền. Tại Bến Tre, kết quả điều tra năm 1967 cho thấy hàng vạn nông dân vùng tạm chiếm không có ruộng hoặc thiếu ruộng phải lĩnh canh ruộng của địa chủ hoặc đi làm thuê để kiếm sống (14).

Tình hình ruộng đất và vị trí của giai cấp địa chủ thời gian này đã khác nhiều so với lúc Ngô Đình Diệm tiến hành cải cách điền địa. Giai cấp địa chủ phong kiến đã suy yếu nhiều, đại bộ phận địa chủ đã bỏ ruộng đất chạy vào thành thị và chuyển hướng kinh doanh.

Bảng 1

	Hộ	Tỷ lệ (%)
Không làm ruộng	11.570	10
Nông hộ	104.130	90
Tổng số thăm dò	115.700	100

Nông hộ

	Hộ	Tỷ lệ (%)
Chủ đất	11.023	10,6
Tá điền có ruộng	8.560	8,2
Tá điền	82.147	78,9
Nông dân làm mướn	2.400	2,3

Khi thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" thì ở nông thôn, Mỹ - ngụy thay đổi hẳn thái độ đối với nông dân: không thúc đẩy quá trình tập trung tư bản về đô thị nữa, không bản cứng hóa nông dân trắng trợn như trước mà chuyển sang thực hiện chương trình Người cày có ruộng, phát triển cơ sở kinh tế tư bản tại nông thôn, gắn nông dân vào quỹ đạo lệ thuộc kinh tế của chúng kết hợp với đánh phá bằng quân sự. Sau thời gian tranh chấp khá gay gắt trong quốc hội ngụy quyền, cuối cùng đạo luật đã được Thượng viện thông qua ngày 6-3-1970 và Hạ viện ngày 16-3-1970. Ngày 23-3-1970, tại Cần Thơ, Nguyễn Văn Thiệu ký Sắc lệnh số 003/70 chính thức ban hành luật Người cày có ruộng. Luật Người cày có ruộng trước hết cũng đặt vấn đề truất hữu ruộng của địa chủ nhưng khác Diệm trong biện pháp thực hiện, mức sở hữu ruộng đất của địa chủ là 15ha, số ruộng còn lại sẽ bị truất hữu (Điều 5). Địa chủ có ruộng bị truất hữu sẽ được bồi thường theo thể thức: 20% giá trị ruộng đất bằng tiền mặt, số tiền còn lại sẽ được trả trong 8 năm bằng trái

phiếu và hưởng lãi hàng năm 10% (Điều 9). Các trái phiếu này có thể đem cầm, chuyển nhượng, giải tỏa các món nợ để trang trải thuế điền thổ hoặc mua các cổ phần các xí nghiệp tư hoặc quốc doanh (Điều 10). Với Luật Người cày có ruộng, Thiệu đã đem đất truất hữu cấp không cho mỗi gia đình nông dân với diện tích tối đa là 3ha ở Nam Bộ và 1ha ở Trung Bộ (Điều 12). Người được cấp phát đất phải trực tiếp canh tác trên ruộng đất ấy và trong 15 năm không được bán hoặc chuyển giao cho người khác (Điều 15). Để ép buộc nông dân nhận chứng khoán, Mỹ - Thiệu vừa sử dụng thủ đoạn đe dọa, cưỡng bức vừa sử dụng thủ đoạn mua chuộc, lừa bịp nông dân. Chúng đe dọa rằng ai không có chứng khoán thì ruộng đất sẽ bị tịch thu và ai có hành động ngăn cản việc thi hành luật Người cày có ruộng thì sẽ bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm và phạt tiền từ 20.000 - 200.000 đồng (Điều 17). Nếu ai có chứng khoán thì sẽ được "ưu tiên" mua máy cày, phân bón, xăng dầu, giống lúa mới (lúc đầu bán rẻ hoặc cho không). Nhưng muốn được cấp đất, cấp chứng khoán thì phải đi lính, đi phu, dỡ nhà vào ấp chiến lược, phải làm bản kê khai ruộng đất.

Việc thực hiện luật Người cày có ruộng đầu những năm 70 đã góp phần đẩy nhanh tiến trình tiểu điền chủ hóa nông dân mà thực chất là quá trình trung nông hóa, xóa bỏ chế độ tá canh và quan hệ sản xuất phong kiến; Nhưng mặt khác ý đồ cơ bản của Mỹ - Thiệu vẫn là xóa bỏ ảnh hưởng của cách mạng ruộng đất của Đảng trong nhân dân, buộc nông dân vào guồng máy của chúng. Thực hiện chủ trương hữu sản hóa nông dân trong luật Người cày có ruộng, chính quyền địa phương đã cấp 55.920ha ruộng đất truất hữu của địa chủ chia cho 15.250 hộ nông dân. Số diện tích này chính

quyền đã truat hữu của địa chủ và đất hương hỏa trên 5ha, chủ đất không trực canh với tổng số 10.569 hộ (trong đó địa chủ có trên 10ha là 3.089 hộ) (15). Số bản nông tá điền chuyển thành trung nông là 67.420 hộ, chiếm 57% số hộ nông dân cả tỉnh lúc bấy giờ (16). Với ý đồ tuyên truyền hữu sản hóa nông dân, Chính quyền Thiệu ra lệnh nếu kê khai nhận chứng khoán sẽ không còn nộp tô cho chủ đất, không phải đi lính, đi phu. Có những trường hợp nông dân không làm đơn nhận chứng khoán thì chính quyền xã lập đơn giả để có chứng khoán đặc biệt là ở vùng đất còn hoang hóa.

Tính đến ngày giải phóng, phần lớn ruộng đất đã về tay nông dân, số địa chủ còn lại không nhiều và không còn địa chủ lớn, chỉ còn lại những địa chủ nhỏ sở hữu từ 5 - 10ha, chủ yếu ở những vùng tôn giáo, vùng ven đô thị, vùng nằm sâu trong lòng địch, bị địch chiếm lâu ngày như ở xã An Bình Tây (huyện Ba Tri) trong số 9.000 dân, chỉ có 20 địa chủ hoặc ở xã An Ngãi Trung (huyện Ba Tri) có 20 địa chủ trong tổng số 8.000 dân (17), xã Tân Bình (huyện Mỏ Cà) có 20 địa chủ trong tổng số 1.450 hộ nông dân hoặc ở huyện Bình Đại có 99 địa chủ trên 119.918 người dân (18). Quan hệ sản xuất phong kiến chỉ còn tàn dư, đa số địa chủ đã chuyển sang kinh doanh tư bản chủ nghĩa, chủ yếu là thương nghiệp, cho vay, vận tải. Theo kết quả điều tra một ấp diêm ở xã Tân Bình, huyện Mỏ Cà thì mức độ chiếm hữu ruộng đất được phân loại như trong bảng 2.

Qua đó chúng ta thấy, việc chiếm hữu ruộng đất còn chênh lệch khá lớn. Hộ loại 3, 4 được coi là trung nông vì họ chiếm hữu một khối lượng ruộng đất tương đối lớn, có đủ công cụ sản xuất ở trình độ sản xuất tiên tiến để tự canh tác, thu nhập được một khối lượng nông phẩm ở mức bình quân xã hội và đạt được mức sống trung bình ở địa

phương. Tỷ lệ dân số của hộ loại 3 so với tổng số hộ ở nông thôn gần như tương đương với tỷ lệ ruộng đất mà họ chiếm hữu. Tuy nhiên hộ loại 4 chiếm hữu số lượng ruộng đất cao hơn mức bình quân ruộng đất của địa phương, nhưng số hộ loại này không nhiều. Họ dựa vào sức lao động của mình là chính và nguồn thu nhập chủ yếu vẫn là từ sản xuất nông nghiệp. Hộ loại 5 là loại hình dân cư mới, xuất hiện vào đầu những năm 70, họ có nhiều máy móc so với bình quân ở địa phương, nguồn thu nhập chủ yếu bằng kinh doanh sản xuất nông nghiệp theo hướng tư bản chủ nghĩa.

Bảng 2

Loại hộ	Số hộ (%)	Chiếm hữu ruộng đất (%)
1	2,67	0,45
2	19,3	11,9
3	71,88	73,0
4	5,74	14,1
5	0,41	0,55

Quá trình xóa bỏ quan hệ sản xuất phong kiến về ruộng đất ở nông thôn Bến Tre diễn ra lâu dài, trong thế giành đi giật lại giữa ta và địch. Tuy giai cấp địa chủ đã bị xóa bỏ nhưng vấn đề ruộng đất vẫn chưa được giải quyết triệt để, một bộ phận ruộng đất vẫn bị sử dụng làm phương tiện bóc lột trong tay phú nông và một số ít địa chủ còn sót lại. Vì vậy, số nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng đất phải đi làm thuê còn chiếm tỷ lệ đáng kể. Huyện Bình Đại có 17.691 hộ sản xuất nông nghiệp nhưng có đến 3.249 hộ không có ruộng đất phải đi làm mướn quanh năm và 2.967 hộ thiếu ruộng sản xuất (19). Hoặc ở huyện Ba Tri trong tổng số 22.962 hộ sản xuất nông nghiệp thì có đến 6.000 hộ nông dân không có đất chiếm 26,1% số hộ nông dân trong huyện (20).

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975) việc tiếp tục giải quyết vấn đề ruộng đất được đặt ra như một tất yếu lịch sử cùng những yêu cầu ổn định và

cải thiện đời sống của nhân dân lao động. Tỉnh ủy đã tiến hành nhiều hoạt động san sẻ, chia cấp lại ruộng đất theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

CHÚ THÍCH

(1). Thạch Phương, Đoàn Tử. *Địa chí Bến Tre*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 203.

(2). Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Sử học. *Nông dân và nông thôn Việt Nam thời Cận đại*. Tập II. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 38.

(3), (4). Thạch Phương, Đoàn Tử. Sđd, tr. 219.

(5). Ý kiến của nông dân ở xã Phú Thuận, huyện Bình Đại (Kết quả đi thực tế của tác giả).

(6), (12). *Lịch sử Đảng bộ ĐCSVN tỉnh Bến Tre*, tr. 95, 149.

(7), (8). Nguồn: Sở Địa chính Bến Tre.

(9). Theo "Hồ sơ tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai trong 7 năm ở Bến Tre (1954-1960)", tr. 7. Bản đánh máy.

(10), (14). Nguồn: Sở Địa chính Bến Tre.

(11). Thạch Phương, Đoàn Tử. Sđd, tr. 305.

(13). Lâm Quang Huyền. *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, tr. 143.

(15), (16). Sở Địa chính Bến Tre.

(17). Nghị quyết của BCH huyện Đảng bộ Ba Tri về nhiệm vụ phát triển và cải tạo kinh tế - văn hoá năm 1978, tr. 5.

(18). Nghị quyết của huyện uỷ Bình Đại về nhiệm vụ công tác năm 1976, tr. 4.

(19). Báo cáo hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp của huyện uỷ Bình Đại, tr. 3.

(20). Báo cáo hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp của huyện uỷ Ba Tri, tr. 4.

